TÒA ÁN NHÂN DÂN T.P PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HN&GĐ - ST
Ngày: 27/02/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh;

2. Ông Trần Xuân Hoàn.

Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 338/2022/HN&GĐ - ST ngày 26/12/2022, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX-ST, ngày 10/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T , sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm Nhe, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên;

Nơi ở hiện nay: Đội 3, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn M , sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm Nhe, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện anh Minh đang chấp hành án tại Đội 20, Phân trại K4, Trại giam Phú Sơn 4, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

(Các bên đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh M tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Công, huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yến), tỉnh Thái Nguyên vào ngày 29/6/2009. Trong suốt quá trình chung sống cho đến khi chị có đơn xin ly hôn, chị và anh M luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn, đánh chửi nhau vì anh M sử dụng chất ma tuý nên thường xuyên ăn trộm đồ của người khác dẫn đến vi phạm pháp luật. Năm 2022, anh M bị kết án phạt tù về tội

"Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi", do Toà án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử và xử phạt 36 tháng tù, nay anh M đang phải đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4 – Bộ Công an thuộc huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Do anh M thường xuyên vi phạm pháp luật, vợ chồng ly thân khoảng thời gian dài, chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Minh. Hiện nay anh M đang đi chấp hành án tại Trại Giam, không có điều kiện để thực hiện hoà giải được nên chị Thanh đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh M có 01 con chung là cháu Trương Thị Khánh H , sinh ngày 29/8/2011. Cháu H hiện đang học tại trường Trung học cơ sở Thành Công, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Tại bản tự khai tại trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an, bị đơn anh Minh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Công như chị T trình bày là đúng sự thật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được 03 năm thì ly thân, nguyên nhân là do mâu thuẫn cả về kinh tế và tình cảm, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2012 đến nay anh và chị T mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý. Hiện anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 – mức án 36 tháng tù về tội "Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi" do Toà án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử, anh đồng ý ly hôn với chị T nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên toà của Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên và Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị T có một con chung là cháu Trương Thị Khánh H , sinh ngày 29/8/2011. Khi ly hôn, anh không đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng mà đề nghị giao cho mẹ đẻ anh (bà Cao Thị D) trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, không yêu cầu chị Thanh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đứng trình tự, thủ tục tố tụng. Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra bản án với các nội dung sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị T được ly hôn anh M .

- *Về con chung:* Quá trình chung sống chị Thanh và anh Minh có một con chung là cháu Trương Thị Khánh H , sinh ngày 29/8/2011. Khi ly hôn, đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh M do chị T không có yêu cầu.

- *Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

- *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung",* bị đơn anh Trương Văn M có hộ khẩu thường trú tại xóm Nhe, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về tố tụng:

[2.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Đỗ Thị T và bị đơn anh Trương Văn M đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2.2]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3]. Về thủ tục hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, thuộc trường hợp những vụ

án dân sự không tiến hành hoà giải được và được Toà án chấp nhận. Tòa án đã tiến hành phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không mở phiên họp hòa giải là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Trương Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Công, huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/6/2009, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh M chơi bời và sử dụng chất ma tuý, nhiều lần vi phạm pháp luật, vợ chồng ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Hiện nay anh Minh đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4 – Bộ Công an, mức án 36 tháng tù về tội "Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi". Anh M cũng thừa nhận sau khi chung sống được 03 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không ai còn quan tâm ai nữa. Chị T có đơn ly hôn anh đồng ý để giải thoát cho cả hai.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị T , anh M tại gia đình anh M và được cung cấp: Sau khi kết hôn cuộc sống chung của anh M và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị T bỏ đi khỏi gia đình nhiều năm nay, vợ chồng ly thân đã lâu. Hiện nay anh M vi phạm pháp luật đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, chị Thanh có đơn xin ly hôn, gia đình không có ý kiến gì.

Xác minh tại Công an xã Thành Công – nơi chị T , anh M cư trú được cung cấp thông tin: Anh Trương Văn M có nhân thân xấu: Năm 2012 bị Toà án nhân dân huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên kết án 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Năm 2022 bị Toà án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng kết án 36 tháng tù về tội "Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi", hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 – Thái Nguyên. Bản thân M là người nghiện ma tuý, có hồ sơ quản lý tại địa phương.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình:*"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau…".*

Căn cứ vào kết quả xác minh tại gia đình, chính quyền địa phương nơi chị T anh M cư trú, Hội đồng xét xử thấy rằng chị T , anh M đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cụ thể:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn

nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được". Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T , cho chị T được ly hôn với anh M để giải thoát cho cả hai.

[3.2]. Về con chung:

Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng cả chị T và anh M đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung cháu Trương Thị Khánh Huyền, sinh ngày 29/8/2011. Anh Minh hiện đang chấp hành án phạt tù nên đề nghị Toà án giao con cho mẹ anh là bà Cao Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, không đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con.

Tại bản tự khai của con chung, cháu Trương Thị Khánh H thể hiện nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ do bố cháu đang đi chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của cả chị T , anh M đều là thực tâm, xuất phát từ tình cảm và trách nhiệm của cha mẹ đẻ đối với các con chung. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần của trẻ em trên cơ sở tôn trọng ý kiến nguyện vọng của các con. Tuy nhiên, xét về mặt thời gian, điều kiện chăm sóc con chung, hiện nay anh M đang phải chấp hành án phạt tù tại Trạm giam Phú Sơn 4, không có điều kiện để chăm sóc con chung, anh Minh cho rằng giao con cho mẹ đẻ anh nuôi dưỡng thay anh trong khi chấp hành án. Theo quy định tại Điều 69, Điều 72 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng con là của cha, mẹ chứ không phải của ông bà; ông, bà chỉ là người hỗ trợ, giúp đỡ. Nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng, còn anh M hiện đang đi cải tạo, không trực tiếp ở nhà chăm sóc cháu Huyền, thuộc trường hợp "*người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, đề nghị giao con cho anh M không được chấp nhận. Mặt khác, xác minh lời khai đối với bà Cao Thị D (mẹ đẻ anh M) được cung cấp thông tin: trong thời gian chị T bỏ đi, cháu H ở với bà, do bà trực tiếp nuôi dưỡng nhưng hiện nay chị T xin ly hôn và đề nghị được nuôi con bà cũng đồng ý để cháu theo mẹ, được mẹ chăm sóc và cho học hành chu đáo, bà tuổi đã cao nên không đủ điều kiện chăm sóc. Chị T hiện nay có việc làm, có nơi ở và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc con chung.

Do đó, cần chấp nhận nguyện vọng nuôi con của chị T , giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh M cho đến khi chị Thanh có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có nên không đặt ra

việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Đỗ Thị T đối với anh Trương Văn M .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Trương Văn M .

2. Về con chung: Giao con chung: cháu Trương Thị Khánh H , sinh ngày 29/8/2011, cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh M cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Về nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị Thanh được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, theo biên lai số 0001325 ngày 26/12/2022. Xác nhận chị Thanh đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa. Báo cho biết, chị T , anh M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND xã Thành Công (ĐKKH số 75, ngày 29/6/2009);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà